

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lưu Đình B. Sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An.

Hiện trú tại: Số 793/51/11, đường Ng, phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K. Sinh năm 1987.

Địa chỉ, hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm 7, xã Kh, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang làm việc tại: Công ty FUJITSU COMPONENT (MALAYSIA) SDN.BHD, số 63247-X. Địa chỉ: No 1, Lorong Satu, Kawasan Perindustrian Parit Raja, Batu Pahat, Johor, Malaysia. (Hiện tại đã về Việt Nam).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Đình B và chị Nguyễn Thị K.

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lưu Thị Phương Th, sinh ngày 29/9/2007 cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lưu Đình B có quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản, cản trở.

Anh Lưu Đình B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng kể từ tháng 4/2018 đến khi cháu Lưu Thị Phương Th đủ 18 tuổi trưởng thành.

2.3. Về tài sản chung: Anh Lưu Đình B và chị Nguyễn Thị K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Nợ chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Lưu Đình B thỏa thuận chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ tại biên lai thu số 0006612 ngày 21/4/2017 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Lưu Đình B phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

2.6. Về chi phí tố tụng khác:

- Anh Lưu Đình B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền lệ phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được khấu trừ tại biên lai thu số 0006673 ngày 21/9/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Kh, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân